

KẾT QUẢ
KIỂM TRA XÁC NHẬN NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 5 (TƯƠNG ĐƯƠNG C1 THEO CEFR)
(Đợt 02 năm 2025, 11/05/2025)

(Ban hành theo Quyết định số 1343/MYH25/VHU/QĐ ngày 16 tháng 06 năm 2025)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ Tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
1	VHU.TAC1.02.001	211A080235	Lin Linh	An	14/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	5	1	2.8	1.5	10.3	2.6	Rớt	
2	VHU.TAC1.02.002	201A030862	Lương Ngọc	Anh	18/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	5.5	5.6	8.7	6.5	26.3	6.6	Đậu	
3	VHU.TAC1.02.003	201A140330	Nguyễn Thị Quế	Anh	28/04/2001	Đồng Tháp	7	2	3.9	2.5	15.4	3.9	Rớt	Bảo lưu: Nói: 7.0
4	VHU.TAC1.02.004	211A140262	Trần Nhật	Anh	14/09/2003	Đồng Tháp	7.5	2	3.6	4.1	17.2	4.3	Rớt	
5	VHU.TAC1.02.005	181A160175	Phạm Quốc	Bảo	13/09/2000	Tiền Giang	6	2.6	6.7	2.5	17.8	4.5	Rớt	
6	VHU.TAC1.02.006	201A140032	Bùi Thị Cẩm	Bình	28/08/2000	An Giang	5	5	8.1	4.5	22.6	5.7	Đậu	
7	VHU.TAC1.02.007	191A140100	Võ Ngọc Hải	Châu	22/03/2001	Long An	6	4.5	8.1	3.5	22.1	5.5	Đậu	
8	VHU.TAC1.02.008	201A140054	Nguyễn Ngọc Phương	Dung	26/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	5.5	5	4.5	1.8	16.8	4.2	Rớt	
9	VHU.TAC1.02.009	161A140275	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	31/01/1995	Bình Phước	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
10	VHU.TAC1.02.010	211A140028	Lê Thị Cẩm	Giang	07/01/2003	Tây Ninh	6	5	7	5.3	23.3	5.8	Đậu	
11	VHU.TAC1.02.011	201A140260	Lê Thị Huỳnh	Giao	31/03/2002	Kiên Giang	6	1.3	1.4	2	10.7	2.7	Rớt	
12	VHU.TAC1.02.012	211A140359	Trần Huỳnh	Giao	10/12/2003	Bến Tre	7	5.6	7.6	7	27.2	6.8	Đậu	
13	VHU.TAC1.02.013	211A140185	Nguyễn Thị Minh	Hải	20/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	6.5	5.3	7.3	6.8	25.9	6.5	Đậu	
14	VHU.TAC1.02.014	201A140171	Nguyễn Văn	Hải	21/03/2002	Bình Phước	7.5	Vắng	Vắng	Vắng	7.5	1.9	Rớt	Vắng
15	VHU.TAC1.02.015	211A080238	Phan Thanh	Hải	10/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7	3.6	7.1	6.5	24.2	6.1	Đậu	
16	VHU.TAC1.02.016	211A140118	Quách Phúc	Hải	10/12/2003	Tây Ninh	8	5	7.8	6.5	27.3	6.8	Đậu	
17	VHU.TAC1.02.017	171A140286	Ngô Gia	Hân	26/01/1999	Đồng Tháp	5	3.3	7	0	15.3	3.8	Rớt	Bảo lưu: Nói: 5.0

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
18	VHU.TAC1.02.018	201A140286	Nguyễn Ngọc Thu	Hằng	20/09/2002	Bình Phước	8	5.3	9	6.8	29.1	7.3	Đậu	
19	VHU.TAC1.02.019	211a140319	Nguyễn Thị Kim	Hậu	17/10/2003	Đắk Nông	6.5	3.3	3.1	1.3	14.2	3.6	Rớt	
20	VHU.TAC1.02.020	171A140386	Lưu Thị Kim	Hiếu	08/08/1998	Long An	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
21	VHU.TAC1.02.021	201A140374	Lăng Mai	Hoa	21/06/2002	An Giang	7	5.3	6.2	3.8	22.3	5.6	Đậu	
22	VHU.TAC1.02.022	151A140805	Phạm Thị Thanh	Hoa	26/06/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	7.5	3.5	5.9	5	21.9	5.5	Đậu	
23	VHU.TAC1.02.023	211A140495	Lê Vạn Duy	Hoàng	21/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	6	5	5.6	4.8	21.4	5.4	Đậu	
24	VHU.TAC1.02.024	201A140343	Nguyễn Ngọc	Hưng	14/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7	3.5	6.7	5	22.2	5.6	Đậu	

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
25	VHU.TAC1.02.025	161A140306	Đồng	Thùy	23/03/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	4.5	2.3	5.9	4	16.7	4.2	Rớt	
26	VHU.TAC1.02.026	211A140031	Phạm Thị	Mỹ	11/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7	5	8.3	5.3	25.6	6.4	Đậu	
27	VHU.TAC1.02.027	211A140057	Đặng Nguyễn	Diệu	14/06/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu	6	5.6	4.5	2.8	18.9	4.7	Rớt	
28	VHU.TAC1.02.028	201A140382	Đinh Thị	Thùy	01/03/2002	Đắk Lắk	6.5	5	7.3	3.3	22.1	5.5	Đậu	
29	VHU.TAC1.02.029	191A140186	Nguyễn Huỳnh	Mỹ	23/08/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	8.5	5.1	8.7	8	30.3	7.6	Đậu	
30	VHU.TAC1.02.030	181A140101	Sơn	Kim	20/08/2000	Bình Thuận	6.5	4.3	5	1.5	17.3	4.3	Rớt	Bảo lưu: Đọc: 5.0
31	VHU.TAC1.02.031	201A140061	Thân Nguyễn	Khánh	12/02/2002	Đồng Nai	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
32	VHU.TAC1.02.032	191A140041	Hồ Nguyễn	Ngọc	03/09/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
33	VHU.TAC1.02.033	201A140206	Lại	Ngọc	03/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7.5	3.3	4.2	4.5	19.5	4.9	Rớt	
34	VHU.TAC1.02.034	201A140149	Trần Thị	Ngọc	02/08/2001	Đồng Tháp	7.5	4.6	6.2	4.8	23.1	5.8	Đậu	
35	VHU.TAC1.02.035	201A140139	Nhan	Hồng	25/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	6	4.3	6.2	6.5	23.0	5.8	Đậu	
36	VHU.TAC1.02.036	211A140355	Hoàng Thị	Thùy	11/04/2003	Bình Phước	8	5.6	8.1	5.3	27.0	6.8	Đậu	
37	VHU.TAC1.02.037	201A140112	Huỳnh Thị	Thu	19/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7	5.6	8.4	5	26.0	6.5	Đậu	
38	VHU.TAC1.02.038	211A140263	Nguyễn	Bảo	17/10/2003	Gia Lai	6.5	5	6.2	4	21.7	5.4	Đậu	
39	VHU.TAC1.02.039	211A140328	Phạm Trần	Mỹ	27/12/2003	Tiền Giang	6.5	2.3	3.9	2.5	15.2	3.8	Rớt	
40	VHU.TAC1.02.040	181A140121	Phan Thị	Thanh	30/11/2000	Tiền Giang	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
41	VHU.TAC1.02.041	201A140388	A	Nghĩa	09/09/2002	Kon Tum	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
42	VHU.TAC1.02.042	181A140358	A	Ngoan	27/07/1999	Kon Tum	7.3	4	5.6	4.5	21.4	5.4	Đậu	Bảo lưu: Nói: 7.3

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
43	VHU.TAC1.02.043	211A140403	Hoàng Vũ Như	Ngọc	30/06/2003	Đắk Lắk	6	2	3.1	1.5	12.6	3.2	Rớt	
44	VHU.TAC1.02.044		Lê Hồng	Ngọc	02/05/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	6.5	3.3	1.7	2	13.5	3.4	Rớt	
45	VHU.TAC1.02.045	181A140337	Đinh Tô Minh	Nguyên	25/06/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	6.5	1.3	3.1	2	12.9	3.2	Rớt	
46	VHU.TAC1.02.046	211A140111	Nguyễn Ngọc	Nguyên	04/09/2003	Bạc Liêu	6	5	1.7	2.3	15.0	3.8	Rớt	
47	VHU.TAC1.02.047	181A140125	Phan Trung	Nguyên	17/09/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	6	5.6	5	5.5	22.1	5.5	Đậu	Bảo lưu: Nói: 6.0; Đọc: 5.0
48	VHU.TAC1.02.048	161A140024	Võ Thị Hải	Nguyên	30/11/1998	Long An	7	5.6	5.9	5.3	23.8	6.0	Đậu	
49	VHU.TAC1.02.049	181A140461	Nguyễn Kiều Minh	Nguyệt	07/01/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	5	0.7	5.6	0.3	11.6	2.9	Rớt	
50	VHU.TAC1.02.050	211A140032	Nguyễn Long	Nhân	27/04/2003	Đồng Nai	6	3.3	3.6	2	14.9	3.7	Rớt	
51	VHU.TAC1.02.051	161A140532	Nguyễn Văn	Nhật	11/11/1998	Tây Ninh	6	6.1	5.9	4.8	22.8	5.7	Đậu	
52	VHU.TAC1.02.052	201A140095	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	23/06/2002	Đồng Nai	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
53	VHU.TAC1.02.053	211A070170	Nguyễn Quỳnh	Nhi	14/10/2003	Bình Định	6.5	5.3	7.6	6.8	26.2	6.6	Đậu	
54	VHU.TAC1.02.054	181A140339	Từ Ái	Như	10/07/2000	Trà Vinh	6	5	5.9	3.3	20.2	5.1	Đậu	Bảo lưu: Nói: 6.0
55	VHU.TAC1.02.055	211A140067	Nguyễn Thị Mỹ	Nữ	05/02/1996	Bình Định	7	5.3	8.1	6.8	27.2	6.8	Đậu	
56	VHU.TAC1.02.056	211A140158	Châu Khai	Phát	06/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8	6.3	7.3	6.5	28.1	7.0	Đậu	
57	VHU.TAC1.02.057	191A140182	Lương Hoàng	Phúc	17/08/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	7.5	5	5.3	4	21.8	5.5	Đậu	
58	VHU.TAC1.02.058	211A140225	Nguyễn Trọng	Phúc	09/01/2003	Cà Mau	7.5	4.6	4.5	5	21.6	5.4	Đậu	
59	VHU.TAC1.02.059	218A140179	Huỳnh Trúc	Phương	27/11/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	7	5.3	8.4	7.3	28.0	7.0	Đậu	
60	VHU.TAC1.02.060	211A140340	Nguyễn Thị Thảo	Phương	22/10/2003	Long An	6.5	5.9	7.8	7.8	28.0	7.0	Đậu	

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
61	VHU.TAC1.02.061	191A140224	Đàn Thùy	Quyên	22/07/2001	Bình Thuận	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
62	VHU.TAC1.02.062	211A140325	Phạm Ngọc	Quỳnh	17/12/2003	Bình Định	6	4.5	6.7	4.5	21.7	5.4	Đậu	
63	VHU.TAC1.02.063	211A140368	Trần Đỗ Diễm	Quỳnh	11/07/2003	Đắk Lắk	7	2.3	4.2	4.5	18.0	4.5	Rớt	
64	VHU.TAC1.02.064	211A140001	Võ Nguyễn Xuân	Quỳnh	03/08/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	6.5	4.3	3.9	3.5	18.2	4.6	Rớt	Bảo lưu: Nói: 6.5
65	VHU.TAC1.02.065	211A140385	Nguyễn Thị Hương	Sen	03/08/2003	Đắk Lắk	8	5.6	8.4	6	28.0	7.0	Đậu	
66	VHU.TAC1.02.066	211A140367	Nguyễn Văn	Tây	13/03/2000	Hà Tĩnh	7	5.9	8.1	7.8	28.8	7.2	Đậu	
67	VHU.TAC1.02.067	211A140381	Huỳnh Minh	Thư	13/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7.5	6.6	8.7	7.5	30.3	7.6	Đậu	
68	VHU.TAC1.02.068	211A140044	Phan Hoàn Ý	Thư	06/11/2003	Đồng Tháp	7	5.3	7.3	4	23.6	5.9	Đậu	
69	VHU.TAC1.02.069	211A140448	Đào Thị Thanh	Thúy	05/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	6.5	4	3.6	2.8	16.9	4.2	Rớt	
70	VHU.TAC1.02.070	171A140079	Nguyễn Thị Anh	Thúy	13/06/1998	Tiền Giang	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
71	VHU.TAC1.02.071	201A140261	Phan Thị Mỹ	Tiên	06/12/2002	Long An	7	6.1	6.7	4.8	24.6	6.2	Đậu	
72	VHU.TAC1.02.072	201A140202	Lê Nguyễn Khánh	Toàn	22/08/2002	Đồng Tháp	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
73	VHU.TAC1.02.073	191A140188	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Trinh	23/08/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	7	5	8.7	7.8	28.5	7.1	Đậu	
74	VHU.TAC1.02.074	201A140035	Dương Huy	Tú	27/08/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	7.5	5	6.7	7	26.2	6.6	Đậu	
75	VHU.TAC1.02.075	201A140378	Nguyễn Lê Minh	Vy	10/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7.5	5.8	9	8	30.3	7.6	Đậu	
76	VHU.TAC1.02.076	201A140347	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	27/08/2002	Đắk Lắk	4	1	2	0	7.0	1.8	Rớt	
77	VHU.TAC1.02.077	211A140329	Nguyễn Như	Ý	09/01/2003	Bạc Liêu	7	5.3	5.6	5	22.9	5.7	Đậu	
78	VHU.TAC1.02.078	191A140247	Trần Như	Ý	27/09/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	7	2.6	6.4	7.8	23.8	6.0	Rớt	

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
79	VHU.TAC1.02.079	201A140029	Trần Thị Kim	Ý	14/09/2002	Bình Thuận	8.5	1.3	3.6	5.3	18.7	4.7	Rớt	Bảo lưu: Nói: 8.5; Viết: 5.3
80	VHU.TAC1.02.080	211A140464	Lê Thị Kim	Yến	06/03/2003	Bình Phước	7.5	5	8.1	6.5	27.1	6.8	Đậu	
81	VHU.TAC1.02.081	221A140164	Nguyễn Thị Kim	Yến	29/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7	4	7.3	4.8	23.1	5.8	Đậu	
82	VHU.TAC1.02.082	211A140323	A	Yuk	10/05/2002	Kon Tum	7	1.7	2	2.5	13.2	3.3	Rớt	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 82
Số thí sinh dự kiểm tra: 71
Số thí sinh vắng kiểm tra: 11
Số thí sinh đậu: 45
Số thí sinh rớt: 26

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Minh Đức